

Số: 158/2026/QĐST-HNGĐ

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 179/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị H, sinh ngày 07/9/1980

Số định danh cá nhân: 024180000925

Địa chỉ: Số nhà C, tổ dân phố T, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

* *Bị đơn*: Anh Phạm Trọng B, sinh ngày 10/9/1978

Số định danh cá nhân: 024078014212

Địa chỉ: Số nhà C, tổ dân phố T, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Phạm Như Q, sinh năm 2003

Địa chỉ: Số nhà 307, tổ dân phố Trung Nghĩa, phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh

2. Anh Phạm Tiến Đ, sinh năm 2006

Địa chỉ: Số nhà C, tổ dân phố T, phường C, tỉnh Bắc Ninh

3. Ngân hàng TMCP C2, Chi nhánh B2

Địa chỉ: số D, đường N, phường B, tỉnh Bắc Ninh.

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Tuấn Đ1, Trưởng phòng G.

4. Công ty TNHH H3

- Người đại diện theo pháp luật: bà Vũ Thị H, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: tổ dân phố T, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 33, 59, 62, 64, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Phạm Trọng B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung:* Giao anh Phạm Trọng B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Khánh N, sinh ngày 05/11/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét do các đương sự không yêu cầu. Sau khi ly hôn chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung:*

* Chị Vũ Thị H được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản gồm:

1. Quyền sử dụng đất tại thửa số 338, tờ bản đồ số 10, diện tích 400m²; địa chỉ thửa đất: thôn T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; mục đích sử dụng đất: đất ở tại đô thị; được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 281096, vào sổ cấp GCN số: CS01714 ngày 07/5/2020 đứng tên ông Phạm Trọng B, bà Vũ Thị H; trị giá 2.400.000.000 đồng.

2. Quyền sử dụng đất diện tích 543 m² (trong đó có 270 m² đất ở tại nông thôn; 273 m² đất vườn); địa chỉ thửa đất: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 095040, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H04246 ngày 22/5/2009 đứng tên ông Phạm Trọng B và bà Vũ Thị H; trị giá 1.893.000.000 đồng.

3. Quyền sử dụng đất diện tích 2111 m² (trong đó có 400 m² đất ở tại nông thôn; 1711 m² đất vườn); địa chỉ thửa đất: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 050103, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01425 ngày 28/9/2000 đứng tên hộ ông Trần Đức C; ngày 17/3/2011 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L chỉnh lý tại trang III Chuyển nhượng cho ông Phạm Trọng B và bà Vũ Thị H; trị giá 4.111.000.000 đồng.

4. Quyền sử dụng đất tại thửa số 228, tờ bản đồ số 10, diện tích 964 m²; mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm; địa chỉ thửa đất: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 232072, vào sổ cấp GCN số CH00310 ngày 22/9/2011 đứng tên hộ ông Nguyễn Đức C1, bà Nguyễn Thị T; ngày 23/10/2012 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L chỉnh lý tại trang IV chuyển nhượng cho ông Phạm Trọng B; trị giá 964.000.000 đồng.

5. Quyền sử dụng đất tại thửa số 232, tờ bản đồ số 10, diện tích 1249 m²; mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm; địa chỉ thửa đất: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 490184, vào sổ cấp GCN số CH00360 ngày 26/3/2012 đứng tên hộ ông Bùi Quang B1, bà Hà Thị L; ngày 23/10/2012 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L chỉnh lý tại trang IV chuyển nhượng cho ông Phạm Trọng B; trị giá 1.249.000.000 đồng.

6. Quyền sử dụng đất tại thửa số 264, tờ bản đồ số 10, diện tích 543 m² (trong đó có 211 m² đất ở tại nông thôn; 332 m² đất vườn); địa chỉ thửa đất: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 219808, vào sổ cấp GCN số: CS 00935 ngày 18/10/2016 đứng tên ông Phạm Trọng B, bà Vũ Thị H; trị giá 1.598.000.000 đồng.

7. Quyền sử dụng đất diện tích 1719 m² (trong đó có 400 m² đất ở; 1319 m² đất vườn); địa chỉ thửa đất: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 098287, vào sổ cấp GCN số H04228 ngày 22/4/2009 đứng tên ông Bùi Quang B1, bà Hà Thị L; ngày 01/3/2012 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L chỉnh lý tại trang VI chuyển nhượng cho ông Phạm Trọng B, bà Vũ Thị H; trị giá 3.719.000.000 đồng.

- Tài sản trên 07 thửa đất nêu trên gồm có: Nhà điều hành loại nhà cấp IV diện tích 52.7 m² trị giá 12.465.000 đồng; Nhà bếp bần má tôn, xây tường gạch diện tích 36.21 m² trị giá 2.741.000 đồng; Nhà xe (mái tôn + cột thép) diện tích 83.4 m² đã hết giá trị khấu hao; Nhà ở công nhân loại nhà cấp IV 01 tầng diện tích 64.2m² trị giá 15.184.000 đồng; Nhà kho số 1 trị giá 813.261.000 đồng; Nhà kho số 2 trị giá 352.458.000 đồng; Nhà kho số 3 trị giá 379.210.000đồng; Nhà kho số 4 trị giá 269.526.000 đồng; Sân bê tông diện tích 4570m² trị giá 497.399.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên 07 thửa đất là: 2.342.244.000 đồng (Hai tỉ ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

8. Quyền sử dụng đất diện tích 223 m²; mục đích sử dụng đất: đất ở lâu dài; địa chỉ thửa đất: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 050127, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01449 QSDĐ/QĐ412QĐ/UB (H) ngày 28/9/2000 đứng tên hộ ông Mai Xuân H1; ngày 17/3/2011 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L chỉnh lý tại trang VI chuyển nhượng cho ông Phạm Trọng B, bà Vũ Thị H trị giá 6.244.000.000 đồng.

9. Quyền sử dụng đất diện tích 145 m²; mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn; địa chỉ thửa đất: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 524399, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H02646 ngày 18/9/2006 đứng tên hộ ông Phạm Trọng B, bà Vũ Thị H; trị giá 4.600.000.000 đồng.

10. Quyền sử dụng đất diện tích 463 m² (trong đó có 400 m² đất ở lâu dài; 63 m² đất vườn); địa chỉ thửa đất: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 050125, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01447 QSDĐ/QĐ412QĐ/UB (H) ngày 28/9/2000 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị H2; ngày 18/9/2009 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L chỉnh lý tại trang VI chuyển nhượng cho ông Phạm Trọng B, bà Vũ Thị H; trị giá 8.189.000.000 đồng.

- Tài sản trên 03 thửa đất nêu trên gồm có: 01 nhà ở cấp III 02 tầng 01 tum trong nhà có bếp và các công trình phụ diện tích sàn 400m xây dựng năm 2015 trị giá 2.334.126.000 đồng; 01 cửa hàng loại nhà cấp IV diện tích 168m² xây dựng năm 2015 trị giá 330.582.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên 03 thửa đất là: 2.664.708.000 đồng (Hai tỉ sáu trăm sáu mươi tư triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng).

11. Quyền sử dụng đất diện tích 100 m²; mục đích sử dụng đất: đất ở; địa chỉ thửa đất: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 117389, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00758 QSDĐ/949/QĐ-UB(H) ngày 17/7/2003 đứng tên hộ ông Hà Minh M; ngày 17/3/2011 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L chỉnh lý tại trang VI chuyển nhượng cho ông Phạm Trọng B, bà Vũ Thị H; trị giá 1.000.000.000 đồng.

12. 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI biển kiểm soát 98C-299.18 được Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 98 001023 ngày 12/4/2023 đứng tên Phạm Trọng B trị giá 100.000.000 đồng; 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA biển kiểm soát 98C-082.82 được Công an tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007479 ngày 15/5/2025 đứng tên Phạm Trọng B trị giá 150.000.000 đồng.

13. Tài sản là hàng hoá nông sản và các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất gồm: 02 máy súc lật; 01 máy làm sạch ngô; 01 máy làm ngô vỡ; 01 máy sấy thóc; 01 máy chà bóng gạo; 03 máy tời; 01 trạm xăng dầu nội bộ.

14. Toàn bộ giá trị phần vốn góp (tương ứng 90% tỷ lệ góp vốn) trong Công Ty TNHH H3; địa chỉ trụ sở chính: thôn T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; mã số doanh nghiệp: 2400401313; đăng ký lần đầu ngày 19/5/2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 23/12/2020 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp.

Tổng giá trị tài sản chị Vũ Thị H được sở hữu, quản lý, sử dụng là 41.223.952.000 (Bốn mươi một tỉ hai trăm hai mươi ba nghìn chín trăm năm mươi hai nghìn đồng) và giá trị phần vốn góp (tương ứng với 90% tỷ lệ góp vốn) trong Công Ty TNHH H3.

Chị Vũ Thị H có nghĩa vụ trích chia cho anh Phạm Trọng B số tiền là 10.000.000.000đ (Mười tỉ đồng chẵn). Phương thức thanh toán trả tiền như sau:

+ Ngày 30/6/2026, chị Vũ Thị H trả cho anh Phạm Trọng B số tiền 5.000.000.000đồng (Năm tỉ đồng);

+ Ngày 15/9/2026, chị Vũ Thị H trả cho anh Phạm Trọng B số tiền 5.000.000.000đồng (Năm tỉ đồng);

* Anh Phạm Trọng B được sở hữu số tiền 10.000.000.000đ (Mười tỉ đồng chẵn) từ chị Vũ Thị H trích chia theo phương thức thanh toán như trên.

2.3. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết.

2.4. Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ: Chị Vũ Thị H chịu cả số tiền 15.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận chị H đã nộp đủ số tiền trên.

- Về án phí: Chị Vũ Thị H chịu cả số tiền 150.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002224 ngày 19/3/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Bắc Ninh. Hoàn trả lại cho chị Vũ Thị H số tiền 150.000 đồng.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 5 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Chũ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Sang